

## Phụ lục VI

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/CV-CTY

Đồng Nai, ngày 05 tháng 04 năm 2023

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

- Mã chứng khoán: DHA

- Địa chỉ: 20C. KP Cầu Hang, P. Hóa An, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai.

- Điện thoại liên hệ: 0251.3954458

Fax:

- E-mail: info@hoaan.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)

- Công ty cổ phần Hóa An công bố Báo cáo thường niên năm 2022.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 05/04/2023 tại đường dẫn: <http://hoaancom.vn> mục *quan hệ cổ đông/thông tin cổ đông/năm 2023/ Thông báo mời họp và Tài liệu đại hội cổ đông thường niên năm 2023*.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên năm 2022.

**Đại diện tổ chức**

Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



*Nguyễn Văn Lương*



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2022**

# MỤC LỤC

<b>I. Thông tin chung</b>	1
1. Thông tin khái quát	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:	2
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	3
4. Định hướng phát triển	5
5. Các rủi ro.	6
<b>II. Tình hình hoạt động trong năm</b>	7
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	7
2. Tổ chức và nhân sự	8
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	10
4. Tình hình tài chính	10
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.	11
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.	12
<b>III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc</b>	14
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	14
2. Tình hình tài chính	16
<b>IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty</b>	18
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	18
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.	18
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	19
<b>V. Quản trị công ty</b>	20
1. Hội đồng quản trị	20
2. Ban Kiểm soát.	24
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	26
<b>VI. Báo cáo tài chính</b>	27



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Hóa An  
Năm 2022

## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600464464 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần thứ 11 ngày 06/09/2019.
- Vốn điều lệ: 151.199.460.000
- Vốn của chủ sở hữu: 442.366.188.348 (31/12/2022)
- Địa chỉ trụ sở : 20C, KP Cầu Hang, P. Hóa An, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại: 0251.3954491 – 02513954458
- Số fax: 02513954754
- Website: hoan.com.vn
- Mã cổ phiếu: DHA

### Quá trình hình thành và phát triển

1980	Thành lập Xi nghiệp đá Hóa An, trực thuộc Bộ Xây dựng, Công suất thiết kế ban đầu 50.000 m <sup>3</sup> đá các loại.
1984	Nâng sản lượng khai thác lên 200.000 m <sup>3</sup> /năm.
1994	Nâng công suất khai thác từ 200.000 m <sup>3</sup> /năm thành 500.000 m <sup>3</sup> /năm.
1995	Đổi tên thành Công ty khai thác đá và vật liệu xây dựng Hóa An, trực thuộc Tổng Công ty xây dựng số 1
1998	Thành lập thêm Xi nghiệp 2 khai thác đá tại xã Suối Trâu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, mỏ có trữ lượng 5,5 triệu m <sup>3</sup> và có khả năng khai
1999	Công ty nhận chuyển nhượng lại quyền khai thác mỏ Núi Gió, Tỉnh Bình Phước, có công suất khai thác tối đa 250.000 m <sup>3</sup> /năm.
2000	Chuyển thành công ty cổ phần với vốn điều lệ 25 tỷ đồng, là một trong những doanh nghiệp đầu tiên của Bộ xây dựng tiến hành cổ phần hóa toàn bộ Công
2001	UBND Tỉnh Đồng Nai cấp phép cho Công ty nâng công suất khai thác lên 1.000.000 tấn/năm tại mỏ Đá Hóa An tới năm 2010.





2004	<i>Cổ phiếu Công ty (DHA) chính thức giao dịch tại Sở GDCK TP.HCM. Vốn điều lệ là 38,5 tỷ đồng.</i>
2006	<i>Sản lượng sản xuất công nghiệp của Công ty đạt 1.230.000 m<sup>3</sup>, tổng doanh thu đạt 83,9 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 22,6 tỷ đồng.</i>
2007	<i>UBCKNN chấp thuận phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn lên thành 100.996.700.000 VND.</i>
2008	<i>Được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tặng bằng khen và được chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng nhất.</i>
2009	<i>Bộ Xây dựng tặng cờ Đơn vị thi đua xuất sắc ngành xây dựng. Công đoàn xây dựng Việt Nam tặng cờ Đơn vị hoạt động công đoàn xuất sắc.</i>
2010	<i>Bộ Xây dựng tặng cờ Đơn vị thi đua xuất sắc ngành xây dựng. Công đoàn xây dựng Việt Nam tặng cờ Đơn vị hoạt động công đoàn xuất sắc. Đơn vị có Báo cáo thường niên tốt nhất tại cuộc bình chọn BCTN năm. UBCKNN chấp thuận phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn lên thành 151.199.460.000 VND.</i>
2011	<i>Năm 2005 triển khai đền bù giải phóng mặt bằng dự án mỏ đá Núi Gió, xã Tân Lợi huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, chính thức đi vào hoạt động khai thác sản xuất tháng 01 năm 2011.</i>
2011	<i>Năm 2009 triển khai đầu tư dự án mỏ đá Tân Cang 3, chính thức đi vào hoạt động khai thác sản xuất tháng 3 năm 2011.</i>
2011	<i>Năm 2008 triển khai đầu tư dự án mỏ đá Thạnh Phú 2, chính thức đi vào hoạt động khai thác sản xuất tháng 10 năm 2011.</i>
2017	<i>Bộ Xây dựng tặng cờ Đơn vị thi đua xuất sắc ngành xây dựng.</i>

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác và chế biến khoáng sản (đá, cát, sỏi, đất sét)

- Địa bàn sản xuất kinh doanh:

+ CHI NHÁNH CÔNG TY CP HÓA AN TẠI BIÊN HÒA (mỏ đá Tân Cang 3).

Địa chỉ: Phường Tam Phước, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

+ CHI NHÁNH CÔNG TY CP HÓA AN TẠI VĨNH CỬU (mỏ đá Thạnh Phú 2).

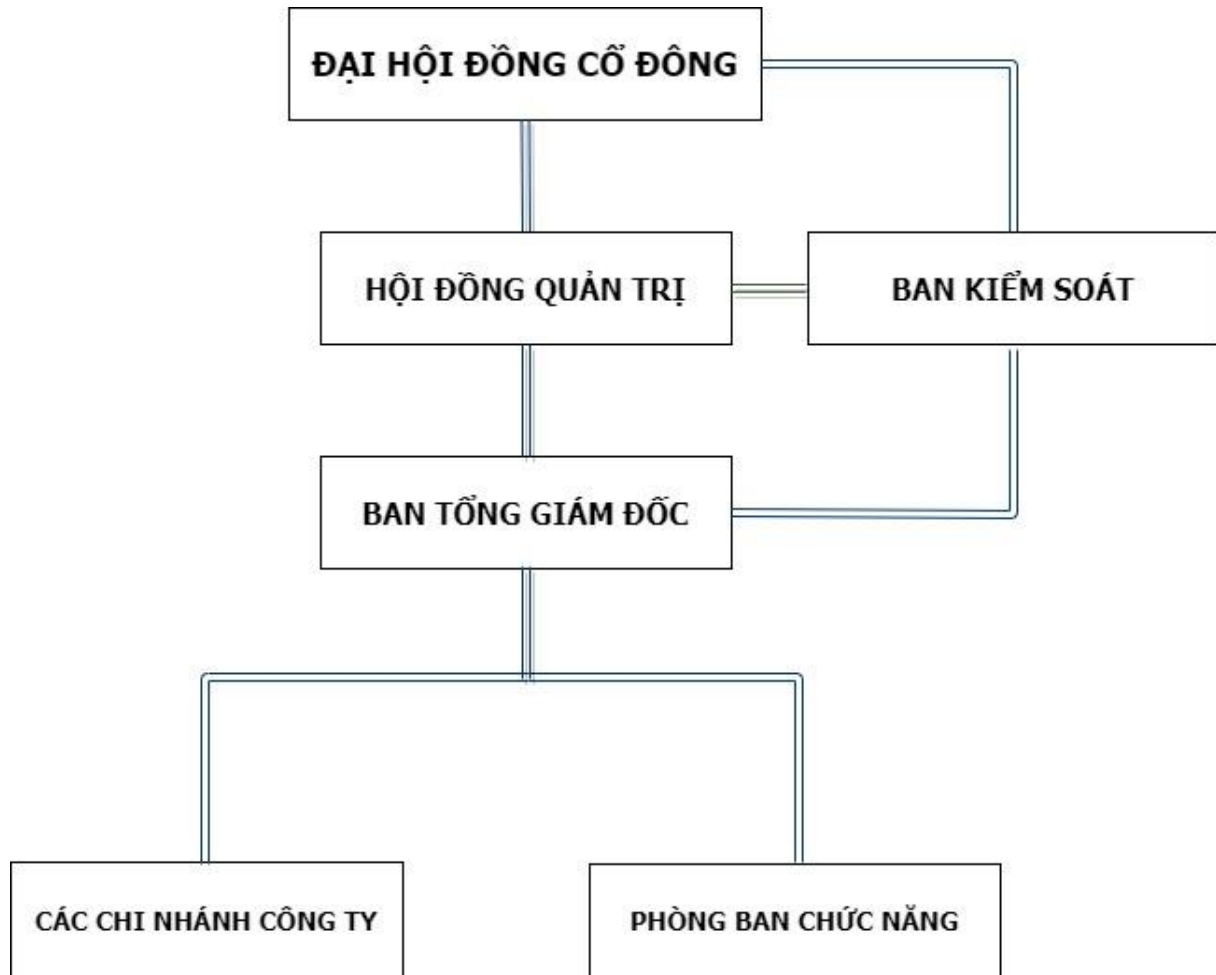
Địa chỉ: Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.

+ CHI NHÁNH CÔNG TY CP HÓA AN TẠI BÌNH PHƯỚC (mỏ đá Núi Gió).

Địa chỉ: Xã Tân Lợi, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

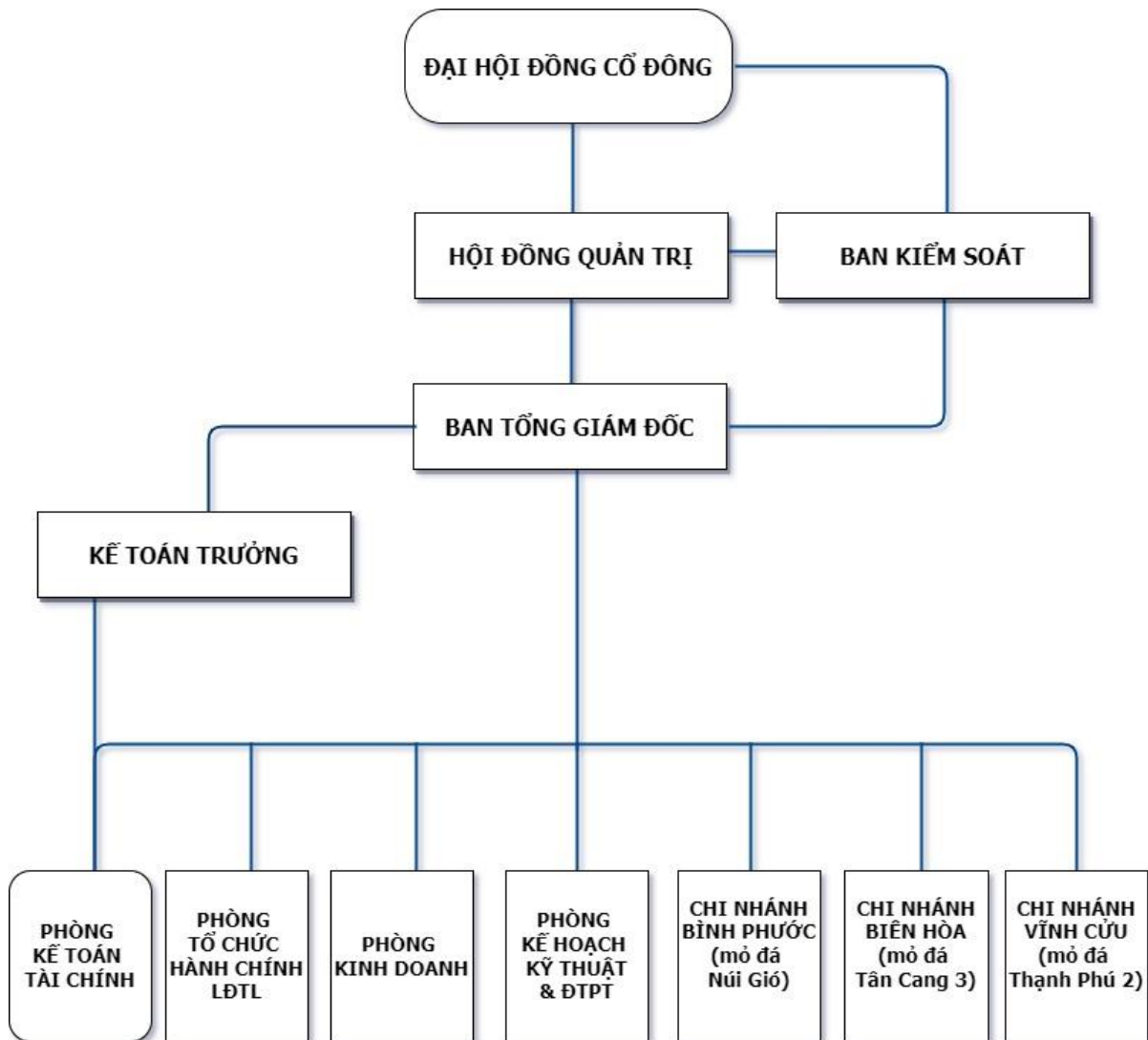
- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.



- Cơ cấu bộ máy quản lý:

- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.
- BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.
- GIÁM ĐỐC CÁC CHI NHÁNH CÔNG TY, TRƯỞNG CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG.

- Sơ đồ tổ chức:



- Các công ty con, công ty liên kết:

### **Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định.**

Địa chỉ: Lô E, đường số 2B, Khu Công nghiệp Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, Bình Dương.

Vốn điều lệ thực góp: 8,46 tỷ đồng (tỉ lệ: 28,13%)

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:

#### **Mã Ngành**

0810 Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

Chi tiết: Khai thác, chế biến, kinh doanh vật liệu xây dựng (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản)

**Mã Ngành**

- 2511 Sản xuất các cấu kiện kim loại  
Chi tiết: Công nghiệp sản xuất máy móc, phụ tùng, đường ống cấp thoát nước. (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)
- 2592 Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại  
Chi tiết: Sản xuất, phục hồi các loại khuôn mẫu (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)

...

**4. Định hướng phát triển**

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Cung cấp các sản phẩm đạt qui chuẩn, chất lượng tốt, giá cả hợp lý. Đa dạng hóa sản phẩm theo nhu cầu thị trường, củng cố năng lực kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Phát triển toàn diện về tài chính, nguồn nhân lực, công nghệ sản xuất tiên tiến, bảo vệ môi trường, nâng cao mức sống và chế độ đãi ngộ đối với người lao động. Chia sẻ thành quả vật chất và tinh thần với cộng đồng và xã hội.

Góp phần tạo nên sự gắn kết và nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng, mang lại sự phồn vinh cùng đất nước, phấn đấu là một công ty luôn có trách nhiệm về mặt xã hội và môi trường.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Xây dựng và phát triển thương hiệu là một doanh nghiệp khai thác và sản xuất đá xây dựng chất lượng hàng đầu tại khu vực phía Nam.

Xây dựng cơ cấu kinh tế công ty bền vững xoay quanh lĩnh vực: khai thác và sản xuất đá xây dựng, nghiên cứu lĩnh vực bất động sản, cơ sở hạ tầng là những ngành nghề liên quan đến tiêu thụ sản phẩm đá xây dựng của công ty.

Củng cố và nâng cao chất lượng quản trị, vận hành, sẵn sàng nguồn lực cho mục tiêu tăng trưởng bền vững.

**\* Phát triển và bảo vệ môi trường:**

Lĩnh vực hoạt động của công ty là khai thác và chế biến đá xây dựng, ảnh hưởng tới môi trường do bụi từ hoạt động khai thác, chế biến đá gây ra, nên công ty có ý thức phải gắn liền với việc bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động. Đây là yếu tố tiên quyết trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Các hoạt động của Công ty được thực hiện theo đúng qui định về đảm bảo vệ sinh môi trường, trên hiện trường sản xuất luôn có xe tưới nước chống bụi trên các cung đường vận chuyển, tại các trạm nghiền đá được trang bị đầy đủ hệ thống phun sương chống bụi. Nước xả thải từ moong khai thác (nguồn nước phát sinh tại mỏ đá là nước mưa và nước ngầm xuất lộ), được bơm lên trên xử lý qua hố lắng, trước khi xả ra ngoài. Bên cạnh đó, việc quản lý và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, có khả năng ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai được thu gom đúng nơi qui định để xử lý, không phát tán ra môi trường.

Định kỳ hàng năm Công ty tiến hành ký hợp đồng đo đạc các thông số về môi trường với đơn vị có chức năng của Nhà nước. Các chỉ số đều nằm trong giới hạn tiêu chuẩn ATVSLĐ.

Công ty tiến hành các hoạt động nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động như: hướng dẫn sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, về các hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh thường xuyên nơi làm việc, hạn chế tối đa sử dụng chai nhựa, huấn luyện an toàn sử dụng tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu trong sản xuất...

Tiết kiệm năng lượng (điện, nhiên liệu đầu vào) vừa đảm bảo an ninh năng lượng cho quốc gia, vừa có thể đảm bảo hiệu quả quản lý chi phí cho doanh nghiệp.

Tiết kiệm nguồn tài nguyên nước: công ty sử dụng nguồn nước mưa tự nhiên và nước sông cho các hoạt động sản xuất.

**\*\* Tác động lên môi trường đối với phát thải khí nhà kính: Không có**

#### 5. Các rủi ro.

- Năm 2023 dự báo tình hình thế giới cũng như trong nước còn tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Việc thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2023 có thể đối diện với các rủi ro sau:

+ Rủi ro thị trường: Năm 2023 dự án sân bay Long Thành, một số tuyến cao tốc tại Miền Tây bắt đầu triển khai ... nên nhu cầu thị trường VLXD có thể tăng cao, tuy nhiên thị trường bất động sản đang khó khăn, sự cạnh tranh với các đơn vị cùng ngành, cùng khu vực ... có năng lực sản xuất quy mô lớn hơn và một số doanh nghiệp tư nhân khác áp dụng hình thức chiết khấu linh hoạt theo mô hình hoạt động của tư nhân. Biện pháp: Công ty cần tăng cường công tác tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường, linh hoạt các chế độ khuyến mãi khách hàng nhằm đảm bảo cho kế hoạch tiêu thụ năm 2023.

+ Rủi ro về biến động giá cả thị trường: Do ảnh hưởng từ chiến sự Nga - Ukraina, nguy cơ lạm phát, giá cả tăng cao, làm giá cả nguyên, nhiên, vật liệu ... đầu vào có thể biến động tăng ngoài dự kiến; giá bán sản phẩm đầu ra biến động không tương ứng đầu vào ảnh hưởng tới doanh thu, lợi nhuận của công ty. Biện pháp: Công ty cần tìm nhiều nguồn cung ứng các yếu tố đầu vào, tăng lượng khách hàng đầu ra để đảm bảo ổn định chi phí sản xuất và tổng doanh thu.

+ Rủi ro nợ khó đòi: Để đảm bảo sản lượng tiêu thụ, việc bán hàng phải kết hợp cả hai hình thức thanh toán trước và thanh toán sau. Thanh toán sau có tính rủi ro cao, việc xác định rõ, kỹ lưỡng về năng lực hoạt động và khả năng tài chính... của khách hàng là quan trọng, để đặt ra các hạn mức công nợ phù hợp, giảm thiểu tối đa rủi ro.

+ Rủi ro về an toàn lao động: trong ngành sản xuất khai thác đá, nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn là rất cao, khi xảy ra sẽ gây thiệt hại khó lường. Biện pháp:

công tác an toàn lao động phải đặt lên hàng đầu trong sản xuất, thường xuyên tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng về an toàn lao động, tổ chức huấn luyện định kỳ nhằm nâng cao ý thức, nhận thức về an toàn lao động cho toàn thể người lao động. Trang bị trang thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ, đúng theo qui định, cải thiện điều kiện và môi trường làm việc.

+ Rủi ro về pháp luật: Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, nên chịu sự tác động trực tiếp của pháp luật về lĩnh vực khoáng sản, đất đai, môi trường ... Sự thay đổi về pháp luật của Nhà nước, qui định của địa phương, sẽ có ảnh hưởng đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh công ty. Giải pháp là công ty phải luôn theo dõi, cập nhật các thay đổi của chính sách pháp luật có liên quan, để điều chỉnh các hoạt động phù hợp.

Để quản trị các rủi ro, Công ty luôn chủ động trong tích lũy nguồn lực tài chính, giảm chi phí sản xuất chung, tạo lợi thế cạnh tranh về giá cả, tìm kiếm các thị trường nhỏ lẻ khi thị trường khó khăn về tiêu thụ, giảm tối đa hàng tồn kho nhằm tiết kiệm chi phí di dời, lưu kho. Đối với các chính sách vĩ mô, luôn cập nhật thông tin để có các biện pháp thích ứng kịp thời.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Năm 2022, đại dịch Covid-19 dần được kiểm soát, các hoạt động kinh tế và xã hội dần trở lại bình thường, hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đá của công ty tốt dần lên và khá ổn định trong cả năm 2022. Tuy nhiên tình hình chiến sự Nga – Ukraina xảy ra vào tháng 2-2022 đến nay chưa có dấu hiệu kết thúc, đã làm nhiều ảnh hưởng đến hoạt động giao thương trên thế giới, tác động mạnh nhất là các sản phẩm năng lượng như dầu mỏ, khí đốt, than đá... giá bán tăng cao, ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sử dụng làm nguồn đầu vào trong quá trình sản xuất kinh doanh... lợi nhuận sụt giảm, ảnh hưởng đến thị trường tài chính Việt Nam, hoạt động tài chính của Công ty cũng bị ảnh hưởng, do phải trích lập dự phòng nhiều dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh chung không đạt kế hoạch lợi nhuận Đại hội đồng cổ đông giao.

Trước tình hình trên, HĐQT cùng Ban điều hành tìm nhiều biện pháp, giải pháp để gia tăng tối đa hoạt động sản xuất và tiêu thụ đá để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực từ mảng đầu tư tài chính. Các chỉ tiêu sản lượng và doanh thu đều vượt kế hoạch năm 2022 và vượt so thực hiện năm 2021.





Kết quả đạt được trong năm các chỉ tiêu chủ yếu, so kế hoạch và so năm trước:

CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐVT	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ % TH2022 / TH2021	Tỷ lệ % TH2022 / KH2022
<b>1. Tổng sản phẩm đá các loại tiêu thụ</b>	m <sup>3</sup>	2.138.908	2.120.000	2.328.913	108,9%	109,9%
<b>2. Tổng doanh thu</b>	1.000đ	365.950.646	341.000.000	399.516.761	109,15%	117,14%
2.1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.000đ	337.422.824	334.000.000	387.820.074	114,9%	116,1%
2.2- Doanh thu hoạt động tài chính	1.000đ	25.756.434	7.000.000	11.080.545	43%	158,3%
2.2- Doanh thu khác	1.000đ	2.771.388		616.142	22,23%	
<b>3. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	1.000đ	112.233.187	90.000.000	65.279.910	58,16%	72,53%
<b>4. Tổng lợi nhuận sau thuế</b>	1.000đ	90.254.477	72.000.000	52.332.261	57,98%	72,68%
<b>5. Thu nhập theo SP b/quân/tháng/NLĐ</b>	1.000đ	16.600	16.200	16.300	98,2%	100,6%
<b>6. Cổ tức theo nghị quyết ĐHĐCĐ</b>	%	50%	30% - 50%	30% (*)	-	-

(\*) Cổ tức năm 2022: Đã tạm ứng đợt 1 bằng tiền mặt (30%/VĐL), chi trả vào ngày 13/01/2023. Việc chi trả tiếp theo sẽ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

Công ty hoàn thành thành vượt mức kế hoạch sản lượng và doanh thu, tuy nhiên lợi nhuận chung không đạt kế hoạch do việc trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính, dẫn đến lợi nhuận chung sụt giảm. Nguyên nhân do tình hình thế giới diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến lĩnh vực kinh tế trên phạm vi toàn cầu, nước ta cũng vậy, dẫn đến các khoản đầu tư của công ty phải trích lập dự phòng theo qui định.

## 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

<b>1. ÔNG TRỊNH TIẾN BẢY</b>	<b>TV HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC</b>
Năm sinh	1972
Trình độ chuyên môn	Th.s Quản trị kinh doanh; Kỹ sư cơ khí TL.
Số lượng cổ phần	50.000 CP (0,34%)
SLCP đại diện vốn	1.490.638 CP (10,12%)

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác, nơi công tác
từ 1993 đến 1996	Phụ trách kỹ thuật đội cơ giới, Công ty xây dựng 48

Thời gian	Chức vụ công tác, nơi công tác
từ 1996 đến 1997	Phụ trách quản lý dự án, Công ty Việt Nam Fatt;
từ 1997 đến 2002	Đội phó đội cơ giới, XN 1- Công ty cổ phần Hóa An
từ 2002 đến 2004	Phó Giám đốc, Giám đốc XN 1 - Công ty cổ phần Hóa An
từ 2004 đến 4/2012	Phó Tổng giám đốc Cty cổ phần Hóa An
từ 5/2012 đến 6/2014	TV HĐQT - Phó Tổng giám đốc Cty cổ phần Hóa An
từ 7/2014 đến nay	TV HĐQT - Tổng giám đốc Cty cổ phần Hóa An
04/2017 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phước Hòa FICO
04-2019 đến nay	TV HĐQT Công ty cổ phần CIC39
04/2020 đến 30/06/2022	TV HĐQT Công ty CP Bê tông Ly tâm Thủ Đức Long An.

<b>2. ÔNG NGUYỄN VĂN LƯƠNG</b>	<b>TV HĐQT - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC</b>
Năm sinh	1977
Trình độ chuyên môn	Th.s kinh tế, cử nhân quản trị kinh doanh
Số lượng cổ phần	182.440 CP (1,24%)

*Quá trình công tác:*

Thời gian	Chức vụ công tác, nơi công tác
08/1999-5/2009	Chuyên viên Phòng kế toán tài chính, Công ty CP Hóa An
06/2009 – 06/2010	Chuyên viên Phòng kế toán tài chính, TV-Ban kiểm soát, Công ty CP Hóa An
7/2010- 06/2014	Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Hóa An tại Vĩnh Cửu
07/2014 – 05/2015	Phó Tổng giám đốc Cty cổ phần Hóa An, kiêm Giám đốc CN Cty CP Hóa An tại Vĩnh Cửu
06/2015 - 12/2016	Phó Tổng giám đốc Cty cổ phần Hóa An
01/2017 - Nay	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc Cty cổ phần Hóa An
04-2018 – 05/2022	TV HĐQT Công ty cổ phần Phước Hòa FICO
04-2019 – Nay	TV HĐQT Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức
04-2021 – Nay	TV HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2

<b>3. ÔNG ĐỖ VĂN NGỌC</b>	<b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>
Năm sinh	1979
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán, Kế toán trưởng

*Quá trình công tác:*

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ công tác, nơi công tác</b>
04/2003-7/2004	Nhân viên Phòng kế toán, Công ty CP Sứ Thiên Thanh
08/2004 – 04/2017	Nhân viên Phòng kế toán tài chính, Công ty CP Hóa An
5/2017- 07/2021	Phó TP Kế toán Công ty CP Hóa An
08/2021 – Nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Hóa An

- Những thay đổi trong ban điều hành: trong năm không thay đổi.

- Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm 31/12/2022 là 117 người.

- Về Tiền lương: Công ty tính lương khoán theo sản phẩm tiêu thụ trong tháng tương ứng với chức danh công việc của từng người và thanh toán kịp thời hàng tháng cho người lao động. Thực hiện tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho toàn thể người lao động và đúng qui định của pháp luật. Chế độ tiền thưởng Lễ, Tết trong năm được thực hiện đầy đủ, đảm bảo tính khuyến khích tinh thần cho người lao động. Các chính sách chế độ khác được thực hiện đầy đủ theo qui định của pháp luật hiện hành.

*3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

a) Các khoản đầu tư lớn: Đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm 2022 là 65.080.750.000đ (mua cổ phiếu Công ty tập đoàn Hòa Phát). Không phát sinh các khoản đầu tư dự án.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Tân Định đang hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, lợi nhuận năm 2022 dự kiến đạt trên 4 tỷ đồng.

*4. Tình hình tài chính*

a) Tình hình tài chính

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>% tăng giảm/ %</b>
Tổng giá trị tài sản	531.221.432.244	491.412.663.719	-7,5%
Doanh thu thuần	337.422.824.214	387.820.074.803	+14,9%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	109.621.799.588	64.731.917.853	-40,9%
Lợi nhuận khác	2.611.388.342	547.992.827	-79,0%
Lợi nhuận trước thuế	112.233.187.930	65.279.910.680	-41,8%
Lợi nhuận sau thuế	90.254.477.584	52.332.261.663	-42,0%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	50%	30% (ứng đợt 1)	

- Các chỉ tiêu khác:

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	6,9	8,6	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	6,9	8,6	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	11,8%	10,0%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	13,4%	11,1%	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	342	450	(Lần)
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	63,5%	78,9%	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	26,7%	13,5%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	19,3%	11,8%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	17,0%	10,7%	
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	32,5%	16,7%	
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	5.884	3.412	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần phát hành: 15.119.946 cổ phần phổ thông, trong đó số lượng cổ phần lưu hành và chuyển nhượng tự do là 14.726.073 cổ phần, cổ phiếu quỹ là 393.873 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

(Theo DS cổ đông chốt ngày 13/03/2023, ngày ĐKCC 14/03/2023)

STT	Tên cổ đông	Phân loại CD	Số lượng cổ phần	Tỉ lệ sở hữu	Tỉ lệ biểu quyết
1	Tổng Cty VLXD số 1	Cổ đông lớn	3.758.343	24,86%	25,52%
2	Các cổ đông còn lại	Cổ đông < 5%	10.967.730	72,54%	74,48%
3	Cổ phiếu quỹ		393.873	2,60%	0%
		<b>CỘNG</b>	15.119.946	100%	100%
<b>Phân loại khác</b>					
	1.960 cổ đông	Cá nhân trong nước	7.230.620	47,82%	49,10%
	33 cổ đông	Tổ chức trong nước	5.111.702	33,81%	32,04%



	269 cổ đông	Cá nhân nước ngoài	924.933	6,12%	6,28%
	20 cổ đông	Tổ chức nước ngoài	1.852.691	12,25%	12,58%
		CỘNG	15.119.946	100%	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại là 393.873 CP.

Trong năm không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: mua cổ phiếu Tập đoàn Hòa Phát (HPG) giá trị mua năm 2022 là 65 tỷ đồng.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Nguyên vật liệu công ty sử dụng là đá nguyên khai (đá hộc) chế biến ra sản phẩm đầu ra là đá 1x2, đá 0x4, đá Mi... Tổng khối lượng đầu vào và đầu ra là bằng nhau, năm 2022 Công ty chế biến sản xuất ra 2.328.913 m<sup>3</sup> đá thành phẩm các loại, sản phẩm của công ty không phải đóng gói nên không sử dụng vật liệu đóng gói.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có nguyên vật liệu tái chế.

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: trong năm toàn công ty sử dụng hết khoảng 9.252.467 KW điện, trị giá 16.959.771.429 đồng.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: trong quá trình sản xuất công ty khoán gọn các chi phí nên các đơn vị, bộ phận sử dụng năng lượng đã ở mức tiết kiệm nhất có thể. Đối với khu vực văn phòng, hành chính, các thiết bị điện chỉ được sử dụng (bật) ở mức vừa đủ dùng để tránh lãng phí điện năng, sử dụng các thiết bị công nghệ mới như đèn LED, máy lạnh inverter...

### 6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: trong năm công ty sử dụng lượng nước khoảng 33.000m<sup>3</sup>, gồm nước dùng sinh hoạt, và nước dùng cho sản xuất (chống bụi). Nguồn nước sinh hoạt là nước máy, nguồn nước dùng cho sản xuất bơm từ các hồ chứa, sông ngòi tự nhiên để chống bụi tại hiện trường sản xuất.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có nước tái chế, hình thức sử dụng nước là rải đường, phun sương chống bụi trong quá trình sản xuất, nên không thể thu gom tái chế được.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty tuân thủ tốt cả qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường nên không bị phạt.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

+ Số lượng người lao động tại thời điểm 31/12/2022 là 117 người, mức lương sản phẩm trung bình là 16.300đ/người /tháng.

+ Phân loại lao động như sau:

Cơ cấu lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>Phân theo trình độ</b>	<b>117</b>	<b>100%</b>
Thạc sỹ	06	5,13%
Đại học	37	31,62%
Cao đẳng	02	1,71%
Trung cấp	16	13,68%
Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	42	35,90%
Lao động phổ thông	14	11,97%

<b>Phân theo độ tuổi</b>	<b>117</b>	<b>100,00%</b>
Dưới 35 tuổi	17	14,53%
Từ 35 đến 45 tuổi	52	44,44%
Từ 46 đến 55 tuổi	31	26,50%
Trên 55 tuổi	17	14,53%

<b>Phân theo giới tính</b>	<b>117</b>	<b>100,00%</b>
Nam	98	83,76%
Nữ	19	16,24%

<b>Phân theo hợp đồng lao động</b>	<b>117</b>	<b>100,00%</b>
Không xác định thời hạn	112	95,73%
Xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	05	4,27%

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

+ Công ty luôn chú trọng đến quyền lợi của người lao động trong công ty, đặc biệt là về vấn đề an toàn lao động. Do đặc thù ngành khai thác mỏ, rủi ro về tai nạn lao động tiềm ẩn cao nên Công ty mua bảo hiểm tai nạn đầy đủ cho người lao động của Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam, trong đó đối với công nhân lao động trong môi trường nguy hiểm, độc hại công ty mua ở mức cao nhất.

+ Trang bị, cấp phát phương tiện, quần áo bảo hộ lao động, trang phục cho



toàn thể người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

+ Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể người lao động, khám bệnh nghề nghiệp cho công nhân lao động trong môi trường độc hại, tổ chức quan trắc môi trường lao động hàng năm. Trang bị các vật tư, thuốc y tế đầy đủ theo qui định tại nơi làm việc.

Chế độ phúc lợi: hàng năm công ty đều tổ chức đi thăm quan, du lịch nghỉ mát cho toàn thể cán bộ công ty nhân viên phù hợp với tình hình tài chính của công ty, năm 2022 công ty tổ chức đi du lịch nghỉ dưỡng tại TP Nha Trang. Công ty luôn hỗ trợ các phòng trào đoàn thể trong các hoạt động văn hóa, thể thao, văn nghệ tạo đời sống tinh thần tích cực cho người lao động.

### c) Hoạt động đào tạo người lao động

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành khai thác đá, nhiều rủi ro về an toàn lao động, nên hàng năm công ty đều tổ chức học về an toàn lao động cho tất cả người lao động theo từng nhóm ngành theo qui định của pháp luật. Các chương trình tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, công ty đều cử đi tập huấn các đối tượng người lao động có liên quan.

Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng khác phục vụ cho công việc và cuộc sống.

### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty luôn có ý thức trách nhiệm trong việc tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, phát triển cộng đồng, bảo vệ môi trường thông qua việc ủng hộ về tài chính; như ủng hộ các địa phương nơi công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh trong phát triển xây dựng nông thôn mới, ủng hộ các phong trào hoạt động cộng đồng, đoàn thể, quỹ bảo trợ trẻ em, hỗ trợ các gia đình CBCNV có hoàn cảnh khó khăn... Tổng số tiền ủng hộ gần 400 triệu đồng.

## III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Thực hiện Nghị quyết tại Đại hội cổ đông thường niên Công ty năm 2022. Trong năm qua dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty cùng tập thể cán bộ công nhân lao động đã tích cực triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, vượt qua những khó khăn khách quan do tình hình trong nước và quốc tế có nhiều biến động phức tạp và các khó khăn nội tại của công ty để từng bước thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết đại hội đồng cổ đông Công ty đề ra.

#### 1.1 Công tác tiêu thụ sản phẩm và công nợ

Theo tình hình tiêu thụ trên thị trường, Ban Tổng giám đốc giao chỉ tiêu bán hàng mỗi tháng cho từng Chi nhánh đồng thời có chế độ khuyến khích tiền

thường khi thực hiện vượt chỉ tiêu tháng cho các Chi nhánh, qua đó mang lại những hiệu quả tích cực: Người lao động hăng hái và tích cực hơn trong công việc, chăm sóc khách hàng tốt hơn để mở rộng tiêu thụ, các chi phí được quản lý tốt hơn.

Quản trị rủi ro của toàn doanh nghiệp, quản lý công nợ giảm tối đa việc bị chiếm dụng vốn, quản lý hàng tồn kho, tăng vòng quay vốn để tăng hiệu quả của việc sử dụng vốn.

Kế hoạch kinh doanh được đánh giá và theo dõi bám sát hàng tháng, do vậy đã có những điều chỉnh kịp thời trước những biến động của thị trường để hoạt động của Công ty được ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022.

Không để phát sinh nợ xấu, bên cạnh đó do có sự chỉ đạo của Lãnh đạo Công ty, sự tích cực của Ban thu hồi công nợ đã thu được một số khoản nợ xấu, khó đòi.

## **1.2 Công tác quản lý**

Thường xuyên rà soát, đánh giá và khắc phục kịp thời tồn tại trong công tác quản lý, đảm bảo sự thông suốt về qui trình công việc từ lãnh đạo đến các nhân viên, công nhân lao động.

Thường xuyên đôn đốc cho các cấp quản lý để nâng cao hiệu quả công tác, cũng như năng lực quản lý để triển khai các kế hoạch sản xuất kinh doanh đạt được hiệu quả cao.

Tăng cường phân quyền cho các trưởng bộ phận để đảm bảo tính tự chủ, hiệu quả, sâu sát và nhanh chóng trong việc triển khai các công việc theo kế hoạch chung.

## **1.3 Công tác quản lý máy móc thiết bị**

Hệ thống trang thiết bị, máy móc, phương tiện... của Công ty thường xuyên được kiểm tra và bảo dưỡng, để đáp ứng yêu cầu sản xuất tốt nhất, khi thị trường tiêu thụ có nhu cầu cao, nhằm phát huy hết theo công suất của mỗi mỏ.

## **1.4 Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất**

Ban Điều hành luôn bám sát nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh để chỉ đạo thực hiện sao cho có hiệu quả tốt nhất, xử lý và giải quyết các vướng mắc, phát sinh linh hoạt và kịp thời trong quá trình sản xuất.

Công tác kiểm tra kỹ thuật và chất lượng sản phẩm được thực hiện thường xuyên, để đảm bảo sản phẩm sản xuất phù hợp thị hiếu thị trường, đảm bảo chất lượng qui cách.

Công tác an toàn vệ sinh lao động được đặt lên hàng đầu, thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở các bộ phận phải luôn chú trọng công tác an toàn lao động, vì khi xảy ra mất an toàn thì thiệt hại sẽ khó lường, ảnh hưởng tới nhiều mặt của công ty, không chỉ là hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó công tác vệ sinh môi trường và điều kiện làm việc được chú trọng, phải tuân thủ tốt theo các quy định của pháp luật và cải thiện thường xuyên.

### **1.5 Kết quả sản xuất kinh doanh:** (xem số liệu chi tiết tại mục II-1)

#### *2. Tình hình tài chính*

##### *a) Tình hình tài sản*

Ban Tổng giám đốc Công ty thường xuyên chỉ đạo, giám sát về công tác quản lý tài chính của Công ty, cụ thể:

Chủ động cân đối sử dụng vốn lưu động linh hoạt đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thường xuyên cập nhật thông tin tài chính, sản xuất của từng bộ phận để Ban Điều hành nhìn rõ hơn được các vấn đề trong sản xuất kinh doanh để có điều chỉnh kịp thời.

Quản lý giám sát công nợ khách hàng đảm bảo không phát sinh quá hạn mức. Xem xét các hạn mức tài chính cho từng khách hàng để giảm rủi ro nợ xấu.

Thực hiện lập dự toán đối với các hợp đồng thi công và theo dõi sát việc thực hiện để đảm bảo lãnh đạo Công ty luôn quản lý, nắm bắt được việc triển khai đúng mục tiêu ban đầu.

##### *b) Tình hình nợ phải trả*

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: tại ngày 31/12/2022 nợ phải trả của công ty là 49 tỷ, trong đó chủ yếu là các khoản nợ các đối tác, tiền thuê, tiền lương người lao động, số dự nợ trên báo cáo tài chính là do việc thanh toán luân phiên gói đầu hàng tháng.

Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: công ty không có nợ xấu phải trả, không có sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu nên không ảnh hưởng tỉ giá hối đoái. Công ty không phải đi vay.

*3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:* hiện tại về cơ cấu tổ chức, các chính sách, mô hình quản lý của công ty đang thực hiện khá ổn định và hợp lý và đạt hiệu quả tốt nên chưa cần thay đổi.

*4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:* tiếp tục nghiên cứu đầu tư vào lĩnh vực chính (đá xây dựng) và đầu tư vào các công ty cùng ngành hoặc liên kết, liên doanh khi có cơ hội khả thi.

*5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):* Ý kiến kiểm toán là chấp nhận toàn phần.

*6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

Trong năm 2022 công ty thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường như hợp đồng với cơ quan chức năng để quan trắc môi trường lao động tại tất cả các địa bàn sản xuất kinh doanh của công ty (như đo nồng độ bụi, tiếng ồn, lượng khí CO<sub>2</sub>, ánh sáng các khu vực làm việc..., quan trắc chất lượng nguồn nước, qui trình xử lý nước thải, tất cả phải đảm bảo theo qui chuẩn trước khi hoạt động sản xuất kinh doanh. Đã tiến hành trồng cây xanh các khu vực xung quan nơi sản xuất, đường vận chuyển, hàng năm ký quỹ phục hồi môi trường theo qui định...

Việc quản lý chất thải rắn thông thường: rác thải sinh hoạt được công ty môi trường đi thu gom xử lý hàng ngày, bao bì carton do cơ sở nhỏ lẻ thu gom, đất đá không rõ qui cách sử dụng đắp nền đường nội bộ.

Việc quản lý chất thải rắn nguy hại: bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau, dầu nhớt thải, hộp mực in do Công ty môi trường thu gom xử lý.

Định kỳ theo qui định công ty đều lập Báo cáo hiện trạng khai thác và sử dụng nước, Báo cáo hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước, Báo cáo công tác bảo vệ môi trường... gửi các cơ quan chức năng của Tỉnh để kiểm tra và giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường của công ty.

Việc tiêu thụ điện, nước, nguyên nhiên vật liệu, phát thải đều được kiểm soát chặt chẽ và tiết kiệm nhất, hướng tới là đơn vị sản xuất kinh doanh ngày càng xanh hơn.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

Số lượng lao động bình quân năm 2022 là 117 người.

Tiền lương bình quân theo sản phẩm tiêu thụ là 16.300.000đ/người /tháng

*Chính sách đối với người lao động:*

Khám sức khỏe cho người lao động: thực hiện khám tổng quát hàng năm cho toàn bộ người lao động công ty.

Mua bảo hiểm tai nạn cho toàn thể người lao động hàng năm.

An toàn lao động: hàng năm đều tổ chức tập huấn về an toàn vệ sinh lao động cho tất cả người lao động công ty theo từng phân nhóm theo qui định của pháp luật.

Tổ chức cho người lao động đi du lịch, nghỉ dưỡng hàng năm. Năm 2022 tổ chức du lịch, nghỉ dưỡng tại thành phố Nha Trang.

Các chế độ chính sách khác: BHXH, BHYT, BHTN, bồi dưỡng ăn ca, độc hại... đều thực hiện đầy đủ theo qui định của pháp luật.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn chú trọng đến công tác xã hội, cộng đồng, đóng góp vào sự

phát triển bền vững, ổn định của xã hội. Thông qua các nguồn tài chính đóng góp cho địa phương, ủng hộ phòng chống thiên tai, hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn, tài trợ các phong trào đoàn thể của các địa phương...(số liệu chi tiết tại mục II-6.6).

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### *1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Đánh giá tình hình chung: Năm 2022, đại dịch Covid-19 đã được kiểm soát, các hoạt động kinh tế và xã hội dần trở lại bình thường, hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đá của công ty tốt dần lên và khá ổn định trong năm 2022. Tuy nhiên tình hình chiến sự Nga – Ukraina xảy ra vào tháng 2-2022 và đến nay chưa có dấu hiệu kết thúc, đã làm nhiều ảnh hưởng đến hoạt động giao thương trên thế giới, tác động mạnh nhất là các sản phẩm năng lượng như dầu mỏ, khí đốt, than đá... giá bán tăng cao, ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sử dụng làm nguồn đầu vào trong quá trình sản xuất kinh doanh...lợi nhuận sụt giảm, ảnh hưởng đến thị trường tài chính Việt Nam, hoạt động tài chính của Công ty cũng bị ảnh hưởng, do phải trích lập dự phòng đầu tư tài chính, dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh chung không đạt kế hoạch lợi nhuận Đại hội đồng cổ đông giao.

Trước tình hình trên, HĐQT cùng Ban điều hành tìm nhiều biện pháp, giải pháp để gia tăng tối đa hoạt động sản xuất và tiêu thụ đá để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực từ mảng đầu tư tài chính. Các chỉ tiêu sản lượng và doanh thu đều vượt kế hoạch năm 2022 và vượt so thực hiện năm 2021. Thu nhập người lao động ổn định theo sản lượng tiêu thụ, các chế độ quyền lợi được thực hiện đầy đủ và tương đối tốt.

Về trách nhiệm môi trường và xã hội: Công ty thực hiện tốt các quy định, qui chuẩn về môi trường, định kỳ có báo cáo cơ quan chức năng và qua kiểm tra của cơ quan chức năng công ty không vi phạm, không bị phạt liên quan đến việc bảo vệ môi trường. Công tác xã hội công ty cũng luôn chú trọng đóng góp, ủng hộ các địa phương trong nhiều chương trình như phát triển nông thôn mới, hỗ trợ các phong trào của địa phương, hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn...

##### *2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.*

Ban Tổng Giám đốc điều hành thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, hoàn thành tốt vai trò của mình, luôn các giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp. Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo cho HĐQT về các hoạt động của Công ty, chủ trương, định hướng, chỉ đạo của HĐQT đưa ra được Ban TGD triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty, vì vậy HĐQT nắm sát tình hình hoạt động, có những chỉ đạo kịp thời, đúng đắn, mang lại hiệu quả tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

HĐQT đánh giá công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022 là tốt, Ban điều



hành và các cán bộ quản lý khác của công ty có tinh thần trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh - tiêu thụ sản phẩm đạt được kết quả cao. Việc thực hiện các nghĩa vụ như thuế, chế độ lương, thưởng cho người lao động thực hiện tương ứng với kết quả SXKD. Công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, công tác vệ sinh môi trường v.v... đều được thực hiện nghiêm chỉnh theo qui định của pháp luật

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

#### *Chương trình kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2023.*

+ Thực hiện các hoạt động và vai trò của HĐQT theo đúng thẩm quyền và trách nhiệm của mình. Nâng cao năng lực quản trị, quản trị hiệu quả các nguồn lực của công ty, tận dụng các nguồn lực từ bên ngoài để phát triển công ty.

+ Triển khai và tổ chức thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2023 ở mức cao nhất có thể.

+ Chỉ đạo, giám sát thường xuyên đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023. Nắm bắt sát tình hình để hỗ trợ và phối hợp cùng Ban điều hành Công ty tháo gỡ, xử lý kịp thời những khó khăn vướng mắc, để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

+ Về sản xuất: chú trọng trong công tác đầu tư, sửa chữa thiết bị, máy móc, áp dụng công nghệ mới trong chế biến đá xây dựng, để nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm, tăng giá trị hàng hóa so với hiện tại và bảo vệ môi trường. Tìm kiếm thị trường thích hợp để nâng cao tối đa tỷ lệ sản xuất - tiêu thụ đá 1x2 (sản phẩm có biên lợi nhuận cao) trong cơ cấu sản phẩm. Đảm bảo công tác an toàn - vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, giảm thiểu tối đa các rủi ro có thể xảy ra.

+ Tiếp tục nghiên cứu tìm kiếm mỏ đá mới khả thi, để đầu tư mở rộng, kết hợp tìm kiếm các cơ hội đầu tư khác để nâng cao lợi nhuận, lợi ích cho cổ đông, nâng cao đời sống người lao động và tích lũy phục vụ chiến lược phát triển mở rộng trong dài hạn.

#### *Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023:*

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô trong nước, tình hình thị trường tại các khu vực công ty đang hoạt động SXKD, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ % KH 2023 /TH 2022
<b>1. Tổng Sản phẩm đá các loại: (Đvt: m<sup>3</sup>)</b>	<b>2.382.913</b>	<b>2.120.000</b>	<b>89%</b>





Chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ % KH 2023 /TH 2022
<b>Trong đó:</b>			
+ mỏ Núi Gió (đá các loại).	352.247	350.000	99,4%
+ mỏ Tân Cang 3 (đá các loại).	786.125	720.000	91,6%
+ mỏ Thạnh Phú 2 (đá các loại).	1.190.540	1.050.000	88,2%
<b>2. Tổng Doanh thu: (Đvt: 1.000đ)</b>	<b>399.516.761</b>	<b>365.000.000</b>	<b>91%</b>
<b>Trong đó:</b>			
+ Doanh thu sản xuất (mỏ Núi Gió)	64.331.479	64.400.000	100%
+ Doanh thu sản xuất (mỏ Tân Cang 3)	140.533.574	132.000.000	94%
+ Doanh thu sản xuất (mỏ Thạnh Phú 2)	182.955.021	159.600.000	87%
+ Doanh thu từ hoạt động kinh doanh tài chính và doanh thu khác	11.696.687	9.000.000	77%
<b>3. Tổng lợi nhuận trước thuế: (Đvt: 1.000đ)</b>	<b>65.279.911</b>	<b>90.000.000</b>	<b>138%</b>
<b>Trong đó:</b>			
+ Lợi nhuận từ SXKD mỏ đá Núi Gió	17.961.716	17.300.000	96%
+ Lợi nhuận từ SXKD mỏ đá Tân Cang 3	35.791.570	33.400.000	93%
+ Lợi nhuận từ SXKD mỏ đá Thạnh Phú 2	32.501.617	30.600.000	94%
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tài chính và lợi nhuận khác.	(20.974.992)	8.700.000	141%
<b>4. Tổng lợi nhuận sau thuế (Đvt: 1.000đ)</b>	<b>52.332.261</b>	#	#
<b>4. Thu nhập (SP) b/q NLD/tháng:(Đvt: 1.000đ)</b>	<b>16.300</b>	<b>16.300</b>	<b>100%</b>
<b>5. Cổ tức dự kiến năm 2023 (%)</b>	<b>30% + (*)</b>	<b>30% đến 50%</b>	

(\*) Cổ tức năm 2022 đã tạm ứng đợt 1 là 30%, chi trả vào tháng 01/2023. Dự kiến chia thêm 20% sau khi thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

#### - Hội đồng quản trị đương nhiệm

<b>1 CAO TRƯỜNG THỤ</b>	<b>CHỦ TỊCH HĐQT</b>
Số lượng cổ phần (tỷ lệ biểu quyết)	0 CP (0,0%)
SLCP đại diện vốn (tỷ lệ biểu quyết)	2.267.705 CP (15,40%)
<i>Chức danh tại công ty khác:</i>	
Tổng công ty VLXD số 1	TV HĐQT – TỔNG GIÁM ĐỐC
Công ty CP gạch men Thanh Thanh	Chủ tịch HĐQT



Công ty cổ phần VITALY

Chủ tịch HĐQT

<b>2</b>	<b>TRỊNH TIẾN BẢY</b>	<b>TV HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC</b>
	Số lượng cổ phần (tỉ lệ biểu quyết)	50.000 CP (0,34%)
	SLCP đại diện vốn (tỉ lệ biểu quyết)	1.490.638 CP (10,12%)
	<i>Chức danh tại công ty khác:</i>	
	Công ty CP Phước Hòa FICO	Chủ tịch HĐQT
	Công ty CP CIC39	TV HĐQT

<b>3</b>	<b>NGUYỄN VĂN LƯƠNG</b>	<b>TV HĐQT - PHÓ TỔNG GD</b>
	Số lượng cổ phần (tỉ lệ biểu quyết)	182.440 CP (1,24%)
	<i>Chức danh tại công ty khác:</i>	
	Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	TV HĐQT
	Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	TV HĐQT

<b>4</b>	<b>NGUYỄN TẤN LỘC</b>	<b>TV HĐQT</b>
	Số lượng cổ phần (tỉ lệ biểu quyết)	718.230 CP (4,88%)
	<i>Chức danh tại công ty khác:</i>	
	Công ty TNHH Khai thác tài nguyên Lợi Lộc	Giám đốc
	Xí nghiệp sản xuất Gạch Lợi Lộc	Giám đốc
	Công ty TNHH gạch Tuynen Bình Thành	TV HĐQT

<b>5</b>	<b>MAI HOÀNG NGUYỄN</b>	<b>TV HĐQT ĐỘC LẬP</b>
	Số lượng cổ phần (tỉ lệ biểu quyết)	0 CP (0%)
	<i>Chức danh tại công ty khác: không</i>	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không thành lập.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT xác định với vai trò là định hướng, chỉ đạo, quản lý và giám sát các hoạt động của Công ty phù hợp thẩm quyền của mình. HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định để triển khai các nhiệm vụ cho Ban Điều hành thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty, nghị quyết đại hội cổ đông và quy chế quản trị công ty. Với mục tiêu đảm bảo lợi ích cổ đông, lợi ích khách hàng, đối tác và quyền lợi của người lao động.

Trong năm 2022 HĐQT tổ chức 05 cuộc họp, các thành viên đều tham gia

đầy đủ và đóng góp ý nhiều kiến về sản xuất kinh doanh, chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp, chỉ đạo, giám sát Công ty thực hiện tốt nhất các chỉ tiêu của kế hoạch năm 2022. Các thành viên HĐQT thực hiện công bố thông tin theo quy định khi giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.

**Số lượng buổi dự họp của từng TV HĐQT:**

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Đình Lê Chiến	CT HĐQT	20/4/2012 /09/04/2022	2/2	100%	Miễn nhiệm
2	Trịnh Tiến Bảy	TV HĐQT	20/4/2012	5/5	100%	
3	Nguyễn Văn Lương	TV HĐQT	17/1/2017	5/5	100%	
4	Nguyễn Xuân Thành	TV HĐQT	18/4/2015 /09/04/2022	2/2	100%	Miễn nhiệm
5	Võ Thị Cẩm Hường	TV HĐQT	23/4/2017 /09/04/2022	2/2	100%	Miễn nhiệm
6	Cao Trường Thụ	CT HĐQT	09/04/2022	3/3	100%	Bỏ nhiệm
7	Nguyễn Tấn Lộc	TV HĐQT	09/04/2022	3/3	100%	Bỏ nhiệm
8	Mai Hoàng Nguyên	TV HĐQT Độc lập	09/04/2022	3/3	100%	Bỏ nhiệm

**Nội dung các cuộc họp:**

T T	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung được thông qua
1	Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT	09/03/2022	Thông qua các tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
2	06/NQĐHĐCĐ-CtyCPHA	09/04/2022	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022: thông qua các nội dung: <b>1.</b> Báo cáo hoạt động HĐQT năm 2021 - chương trình năm 2022; <b>2.</b> Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 được kiểm toán; <b>3.</b> Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022; <b>4.</b> Kế hoạch cổ tức năm 2022; <b>5.</b> Báo cáo Ban kiểm soát (BKS) năm 2021; <b>6.</b> Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021; <b>7.</b> Báo cáo Thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch năm 2022; <b>8.</b> BKS chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022; <b>9.</b> Bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2027.

3	Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT	04/05/2022	+ Nhất trí báo cáo KQSXKD quý 1-2022 của Ban Điều hành: Tổng SL 492.601m <sup>3</sup> /2120.000m <sup>3</sup> (=23%KH năm); Tổng DT: 86,2 tỷ đ /341 tỷ đ (=25%KH năm); Lợi nhuận ST: 19,6 tỷ đ /72 tỷ đ (=27% KH năm). + Đồng ý bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty là ông Trần Quốc Trung – TP Tổ chức công ty.
4	Quyết định số 12/QĐ-HĐQT	06/05/2022	Quyết định bổ nhiệm ông Trần Quốc Trung – TP. Tổ chức - LĐTL công ty giữ chức vụ Người Phụ trách quản trị công ty, thời hạn 5 năm, kể từ ngày 09/05/2022.
5	Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT	22/09/2022	+ Nhất trí báo cáo KQSXKD 8 tháng năm 2022 của Ban Điều hành: 1.477.186m <sup>3</sup> / 2.120.000m <sup>3</sup> (=70% KH năm), Tổng doanh thu: 243 tỷđ/341 tỷ đ (= 71% KH năm), Lợi nhuận sau thuế: 33 tỷ đ/ 72 tỷ đ (=46% KH năm). + Đồng ý chủ trương đầu tư trên nguồn vốn hiện có hoặc có thể cao hơn nếu phương án tốt, khả thi, lĩnh vực đầu tư thì cần nghiên cứu kỹ hơn, cụ thể.
	Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT	20/12/2022	+ Thống nhất thông qua Quy chế công bố thông tin. + Nhất trí với Báo cáo Ước Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022. + Thống nhất xây dựng Kế hoạch sản lượng năm 2023 bằng sản lượng KH năm 2022 và giao Ban Điều hành xây dựng kế hoạch chi tiết theo sản lượng. + Thống nhất tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022, tỉ lệ chi trả 30% (3.000đ/CP). Giao Ban Điều hành triển khai các thủ tục theo qui định hiện hành, thời gian chi trả trong tháng 01/2023. + Thống nhất việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 trong tháng 4 năm 2023. Ngày tổ chức Đại hội, ngày chốt danh sách, các thủ tục Đại hội... giao Ban Điều hành tính toán chọn, triển khai theo qui định hiện hành.

#### d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2022-2027 được Đại hội đồng cổ đông năm 2022 bầu ra gồm có 05 thành viên, trong đó có 1 thành viên độc lập, 03 thành viên không điều hành. Toàn bộ các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và tích cực vào các hoạt động chỉ đạo chiến lược chung, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đúng các quy định đối với Công ty đại chúng.

Các cuộc họp đều được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và cẩn thận để đưa ra những định hướng và giải pháp đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty.



Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp đều được HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, biên bản cuộc họp được lập đầy đủ, có chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự họp.

**\* Về việc giám sát Tổng Giám đốc**

HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo hoạt động của công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ để đi đúng định hướng chiến lược và điều chỉnh các quyết định kịp thời.

Ban Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động tại công ty theo đúng chỉ đạo định hướng của HĐQT nhằm đảm bảo lợi ích của công ty, trong quá trình thực hiện, Ban Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo đầy đủ kết quả, qua đó HĐQT nắm rõ tình hình hoạt động của công ty.

**\* Về việc giám sát Báo cáo tài chính, kết quả hoạt động SXKD của công ty**

Báo cáo tài chính được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và quy định pháp luật hiện hành.

- Công ty kiểm toán được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, trung thực, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra ý kiến kiểm toán.

- Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng và doanh thu, tuy nhiên lợi nhuận chung không đạt kế hoạch do việc đầu tư tài chính phải trích lập dự phòng, dẫn đến lợi nhuận chung sụt giảm, tuy nhiên do tình hình thế giới phức tạp, tác động tiêu cực đến lĩnh vực kinh tế trên thế giới cũng như nước ta, ảnh hưởng tiêu cực nhiều mặt của đời sống xã hội nước ta, thì kết quả kinh doanh 2022 là một sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và toàn thể người lao động công ty.

**\* Đánh giá chung hoạt động của HĐQT**

Các hoạt động của HĐQT trong năm 2022 tuân thủ Điều lệ công ty, Quy chế quản trị công ty và quy định pháp luật.

Tất cả các thành viên HĐQT đã tuân thủ các quy định trong việc tham gia các cuộc họp HĐQT, thảo luận, biểu quyết độc lập, khách quan trên cơ sở đảm bảo cao nhất lợi ích của công ty.

HĐQT đã đưa ra các giải pháp hiệu quả, kịp thời hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

## 2. Ban Kiểm soát.

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

### Ban kiểm soát đương nhiệm.

<b>1</b>	<b>PHẠM VIỆT THẮNG</b>	<b>TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT</b>
	Số lượng cổ phần (tỉ lệ biểu quyết)	<b>0 (0%)</b>

<b>2 ĐẶNG XUÂN LONG</b>	<b>THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT</b>
Số lượng cổ phần (tỉ lệ biểu quyết)	<b>0 (0%)</b>
<b>3 TRẦN QUỐC TRUNG</b>	<b>THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT</b>
Số lượng cổ phần (tỉ lệ biểu quyết)	<b>0 (0%)</b>

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2022 Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 bầu ra có 03 thành viên, nhiệm kỳ 2022-2027. Trong năm đầu tiên của nhiệm kỳ, từ tháng 04 đến tháng 12 năm 2022, Ban kiểm soát đã tổ chức họp được 2 lần để thực hiện các nhiệm vụ của Ban, các thành viên đều tham gia đầy đủ các cuộc họp. Ban kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có đóng góp ý kiến, cũng như chất vấn các nội dung nêu ra trong các cuộc họp của HĐQT.

Ngày 14/6/2022, Ban Kiểm soát họp để lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC cho công ty năm 2022 theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Sau khi bàn bạc phân tích, Ban Kiểm soát thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022. Bên cạnh đó Ban Kiểm soát cũng xem xét đánh giá kết quả hoạt động SXKD 5 tháng đầu năm. Nhìn chung tình hình sản xuất kinh doanh toàn công ty vẫn ổn định về tiêu thụ sản phẩm, các công tác khác về sản xuất, tài chính... đều thực hiện tốt.

Thực hiện công tác kiểm tra giám sát, cuối tháng 12/2022, Ban kiểm soát đã làm việc với Văn phòng Công ty và đơn vị kiểm toán (RSM) đề nghị rà soát kỹ một số nội dung sau:

Rà soát về pháp lý, tài chính của Công ty TNHH Phú Mỹ An - Hà Nội, pháp lý của dự án Công trình văn phòng TMDV, nhà ở (Tòa nhà V.I.C Tower) và đánh giá khả năng thu hồi vốn của DHA tại đơn vị này.

Đánh giá việc trích lập quỹ phục hồi môi trường có đảm bảo khả năng thực hiện khi kết thúc dự án.

Phân tích, đánh giá lượng tiền mặt tồn quỹ bình quân ngày => đưa ra ý kiến về phương thức quản trị tiền mặt.

Đánh giá chi tiết các hợp đồng gửi tiết kiệm, về lãi suất so với mặt bằng chung của thị trường.

Đơn vị kiểm toán sau khi thu thập hồ sơ liên quan đến các nội dung trên, đã đưa ra ý kiến như sau:

+ Dựa vào hồ sơ được thu thập, trao đổi và làm việc với Công ty Phú Mỹ An, Ban TGD đã đánh giá khả năng thực hiện dự án V.I.C Tower là khả quan, theo đó, về khoản nợ vẫn có khả năng thu hồi. Khoản nợ tại Phú Mỹ An tại thời điểm kết thúc 31/12/2022 là 26.598.900.000đ. Về tình hình tài chính: chưa có Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Phú Mỹ An, nên Kiểm toán chưa có ý kiến



về vấn đề này.

+ Về trích lập phí phục hồi môi trường: Công ty trích dự phòng theo sản lượng đầu ra của năm khai thác nên số dự phòng không cần phải chiết khấu về giá trị hiện tại (đã là giá trị hiện tại của số dự phòng lũy kế đến thời điểm).

+ Kiểm toán đã thực hiện thủ tục kiểm tra số tiền tại các thời điểm trong năm và các giao dịch chủ yếu là nhận tiền bán đá từ các chi nhánh. Kiểm toán chưa phát hiện vấn đề bất thường.

+ Tiền gửi ngân hàng: tiền gửi nhân hàng không kỳ hạn lớn để đảm bảo việc thanh toán cổ tức sau niên độ. Lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng ở mức lãi suất công bố trên thị trường. Hiện Công ty vẫn tiếp tục có kế hoạch gửi tiền tại các ngân hàng đã/đang giao dịch. Kiểm toán chưa phát hiện vấn đề bất thường.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

a1) Thù lao Hội đồng quản trị:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022, tổng mức thù lao của HĐQT năm 2022 là 2% lợi nhuận sau thuế = 1.046.645.000 đồng. Phân bổ như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số	Số tiền thù lao (đ)	Ghi chú
1	Cao Trường Thụ	Chủ tịch HĐQT	1,2	241.533.000	Chưa trừ thuế TNCN
2	Trịnh Tiến Bảy	TV- HĐQT; Tổng Giám đốc	1	201.278.000	Chưa trừ thuế TNCN
3	Nguyễn Văn Lương	TV- HĐQT: Phó Tổng GD	1	201.278.000	Chưa trừ thuế TNCN
4	Nguyễn Tấn Lộc	TV- HĐQT độc lập	1	201.278.000	Chưa trừ thuế TNCN
5	Mai Hoàng Nguyên	TV- HĐQT độc lập	1	201.278.000	Chưa trừ thuế TNCN
<b>Tổng cộng</b>				<b>1.046.645.000</b>	

Trong năm HĐQT không phát sinh chi phí khác.

a2) Lương, thưởng của Ban TGD và người quản lý khác năm 2022 (đã trừ thuế TNCN).

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương (đ)	Thưởng (đ)
1	Trịnh Tiến Bảy	TV- HĐQT; Tổng Giám đốc	744.031.330	324.387.000
2	Nguyễn Văn Lương	TV- HĐQT: Phó Tổng Giám đốc	478.313.500	194.927.000

3	Đỗ Văn Ngọc	Kế toán trưởng	421.818.000	131.035.000
---	-------------	----------------	-------------	-------------

a3) Thù lao và các chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Theo Nghị quyết ĐHCĐ 2022, tổng số tiền thù lao BKS là 288.000.000đ và được phân chia như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền thù lao (đ)	Ghi chú
1	Phạm Việt Thắng	Trưởng ban	120.000.000	Chưa trừ thuế TNCN
2	Đặng Xuân Long	Thành viên	84.000.000	Chưa trừ thuế TNCN
3	Trần Quốc Trung	Thành viên	84.000.000	Chưa trừ thuế TNCN
		<b>Tổng cộng</b>	<b>288.000.000</b>	

Trong năm Ban kiểm soát không phát sinh chi phí khác.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

b1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

+ Người nội bộ: Nguyễn Tấn Lộc – TVHĐQT

+ Người liên quan người nội bộ: Nguyễn Thị Ngọc Nhung – em ruột của Nguyễn Tấn Lộc.

b2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty.

+ Nguyễn Thị Ngọc Nhung – số lượng cổ phiếu trước khi giao dịch : 486.100 CP (tỉ lệ 3,22%); thực hiện giao dịch bán 300.000 CP từ ngày 04/05/2022 đến 03/06/2022, số lượng cổ phiếu sau khi giao dịch 186.100 CP (tỉ lệ 1,23%).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: thực hiện đầy đủ theo các quy định pháp luật về quản trị công ty.

## VI. Báo cáo tài chính

(xem từ trang tiếp theo)

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoá An (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Cao Trường Thụ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Ông Đinh Lê Chiến	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Ông Mai Hoàng Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Ông Nguyễn Tấn Lộc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Ông Trịnh Tiến Bảy	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Lương	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Thành	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Bà Võ Thị Cẩm Hường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Phạm Việt Thắng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Ông Đặng Xuân Long	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Ông Trần Quốc Trung	Thành viên	
Ông Đặng Xuân Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Ông Đỗ Việt Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trịnh Tiến Bảy	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lương	Phó Tổng Giám đốc

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trịnh Tiến Bày**  
**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 09 tháng 03 năm 2023



Số: 117/2023/KT-RSMHCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa An (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 03 năm 2023 từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa An tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

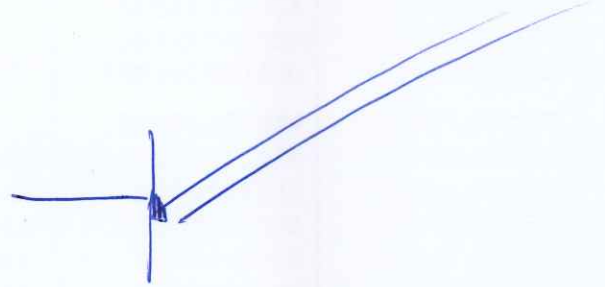


**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2023-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.



**Trịnh Thanh Thanh**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
2820-2020-026-1

312  
NC  
NH  
AN  
TH  
P



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>369.280.328.082</b>	<b>393.899.760.544</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>60.897.636.225</b>	<b>133.571.576.028</b>
1. Tiền	111		60.897.636.225	55.071.576.028
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	78.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	4.2	<b>222.862.241.485</b>	<b>183.246.550.653</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		88.534.404.653	23.454.262.429
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(35.672.163.168)	(3.207.711.776)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		170.000.000.000	163.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>74.440.203.444</b>	<b>71.821.094.230</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	38.633.105.216	34.769.589.487
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	6.431.051.712	6.344.579.589
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.5	27.159.956.623	27.159.956.623
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	3.116.546.516	4.447.425.154
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.7	(900.456.623)	(900.456.623)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>64.650.000</b>	<b>139.950.000</b>
1. Hàng tồn kho	141		632.726.166	708.026.166
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(568.076.166)	(568.076.166)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.015.596.928</b>	<b>5.120.589.633</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	475.907.725	880.551.291
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.157.259.327	1.946.276.118
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	8.382.429.876	2.293.762.224
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>122.132.335.637</b>	<b>137.321.671.700</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>7.968.909.709</b>	<b>7.517.497.139</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.6	7.968.909.709	7.517.497.139
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>53.160.725.361</b>	<b>58.565.515.879</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	16.005.418.758	16.438.620.904
Nguyên giá	222		84.272.472.754	84.372.713.787
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(68.267.053.996)	(67.934.092.883)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	37.155.306.603	42.126.894.975
Nguyên giá	228		97.797.141.259	97.797.141.259
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.641.834.656)	(55.670.246.284)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>21.140.058.801</b>	<b>21.140.058.801</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	21.140.058.801	21.140.058.801
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.2	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.459.840.000	8.459.840.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		510.000.000	510.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.969.840.000)	(8.969.840.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>39.862.641.766</b>	<b>50.098.599.881</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	39.862.641.766	50.098.599.881
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>491.412.663.719</b>	<b>531.221.432.244</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>49.046.475.371</b>	<b>62.638.416.897</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>43.092.760.650</b>	<b>57.112.905.017</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	12.186.403.239	10.049.811.411
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.692.195.025	2.912.146.633
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	9.453.912.419	23.068.500.138
4. Phải trả người lao động	314	4.14	10.656.144.790	12.686.208.305
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		658.105.773	493.601.693
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		128.191.251	40.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.16.5	8.317.808.153	7.862.636.837
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.953.714.721</b>	<b>5.525.511.880</b>
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.15	5.953.714.721	5.525.511.880
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>442.366.188.348</b>	<b>468.583.015.347</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.16.1	<b>442.366.188.348</b>	<b>468.583.015.347</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.199.460.000	151.199.460.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.199.460.000	151.199.460.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58.398.416.000	58.398.416.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(11.645.123.500)	(11.645.123.500)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		98.745.293.116	98.745.293.116
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		145.668.142.732	171.884.969.731
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		93.335.881.069	81.630.492.147
LNST chưa phân phối năm nay	421b		52.332.261.663	90.254.477.584
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>491.412.663.719</b>	<b>531.221.432.244</b>



**Trịnh Tiến Bảy**  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 03 năm 2023

**Đỗ Văn Ngọc**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Cẩm Nhung**  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ AN**

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	387.820.074.803	337.422.824.214
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		387.820.074.803	337.422.824.214
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	284.973.204.825	242.366.718.673
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		102.846.869.978	95.056.105.541
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	11.080.545.855	25.756.434.014
6. Chi phí tài chính	22	5.4	32.603.530.808	(4.690.726.859)
7. Chi phí bán hàng	25		13.000.000	102.284.808
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	16.578.967.172	15.779.182.018
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		64.731.917.853	109.621.799.588
10. Thu nhập khác	31		616.142.045	2.771.388.342
11. Chi phí khác	32		68.149.218	160.000.000
12. Lợi nhuận khác	40		547.992.827	2.611.388.342
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		65.279.910.680	112.233.187.930
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	12.947.649.017	21.978.710.346
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		52.332.261.663	90.254.477.584
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.3	3.412	5.884
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.4	3.412	5.884



Trịnh Tiến Bảy  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 03 năm 2023

Đỗ Văn Ngọc  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm Nhung  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		65.279.910.680	112.233.187.930
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	8.159.086.426	9.468.897.215
Các khoản dự phòng	03		32.464.451.392	(4.877.406.950)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.816.045.281)	(13.535.214.810)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		95.087.403.217	103.289.463.385
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.370.172.645)	14.859.533.953
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		75.300.000	-
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.746.050.445)	12.767.555.179
Tăng giảm chi phí trả trước	12		10.640.601.681	8.451.400.343
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(65.080.142.224)	38.959.759.954
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(17.551.524.776)	(21.532.153.113)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	4.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.155.008.684)	(3.503.490.386)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(99.593.876)</b>	<b>153.296.069.315</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.754.295.908)	(3.179.513.016)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		605.454.545	3.248.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(176.000.000.000)	(111.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		169.000.000.000	88.600.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.210.590.736	10.770.238.968
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.061.749.373</b>	<b>(12.261.274.048)</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(73.636.095.300)	(44.183.949.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(73.636.095.300)	(44.183.949.300)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b> (50 = 20+30+40)	50		(72.673.939.803)	96.850.845.967
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		133.571.576.028	36.720.730.061
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b> (70 = 50+60+61)	70	4.1	60.897.636.225	133.571.576.028



Trịnh Tiến Bảy  
Tổng Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 09 tháng 03 năm 2023

Đỗ Văn Ngọc  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm Nhung  
Người lập



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hóa An (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Khai thác đá và Vật liệu Xây dựng Hóa An trực thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1. Ngày 18 tháng 04 năm 2000, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 47/2000/QĐ-TTg ngày 18 tháng 04 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600464464 (số cũ là 4703000008) ngày 08 tháng 06 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 06 tháng 09 năm 2019.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 151.199.460.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP	37.583.430.000	24,86	37.583.430.000	24,86
Các cổ đông khác	113.616.030.000	75,14	113.616.030.000	75,14
<b>Cộng</b>	<b>151.199.460.000</b>	<b>100</b>	<b>151.199.460.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 20C KP Cầu Hang, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 117 (31/12/2021: 119).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Khai thác đá và chế biến khoáng sản.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Trong năm, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là khai thác vật liệu đá xây dựng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty liên kết:</b>				
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định - FICO	Lô E, Đường số 2B, khu Công Nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	28,13%	28,13%	28,13%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2022 gồm:

Tên	Địa chỉ
Mỏ đá Thạnh Phú 2	Xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Mỏ đá Tân Cang 3	Phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Mỏ đá Núi Gió	Xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2. Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng tại thời điểm báo cáo.

**3.3. Đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### *Đầu tư khác*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phân ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

### **Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính**

#### *Đối với các khoản đầu tư chứng khoán*

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

#### *Đối với các khoản đầu tư khác*

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

### **3.4. Nợ phải thu**

#### **Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

#### **Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- |                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc         | 05 - 15 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị               | 05 - 15 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 05 - 10 năm |

**3.6. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất thuộc mỏ đá Thạnh Phú 2 tại xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; giá trị quyền sử dụng diện tích đất thuộc mỏ đá Núi Gió tại xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước và giá trị quyền sử dụng diện tích đất thuộc mỏ đá Tân Cang 3 tại khu phố Thiên Bình, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai trong 20 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

**3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

35  
VN  
TN  
DÁN  
VI  
P



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến bóc đất phủ các mỏ đá, chi phí thuê đất, chi phí làm đường và thăm dò trữ lượng... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Chi phí bóc đất được phân bổ dần từ 03 năm đến 15 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí làm đường, thăm dò trữ lượng và chi phí khác được phân bổ từ 03 đến 20 năm.

**3.9. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.10. Dự phòng phải trả**

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu*****Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*****Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.12. Doanh thu, thu nhập khác*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng (đá xây dựng) được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

***Thu nhập đầu tư***

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**3.13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.14. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**3.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.16. Thuế*****Thuế thu nhập doanh nghiệp******Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.19. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**3.20. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

*(Xem trang tiếp theo)*



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Tại ngày 31/12/2022 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2022 VND</b>
Tiền mặt	2.849.828.741	5.362.646.204
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	58.047.807.484	49.708.929.824
Các khoản tương đương tiền	-	78.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>60.897.636.225</u></b>	<b><u>133.571.576.028</u></b>

*(Xem trang tiếp theo)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:						
Công ty CP Tập đoàn Hoà Phát	80.343.750.000	47.520.000.000	(32.823.750.000)	15.263.000.000	13.920.000.000	(1.343.000.000)
Công ty CP Gạch Men Thanh Thanh	6.043.354.161	3.574.836.000	(2.468.518.161)	6.043.354.161	4.557.915.900	(1.485.438.261)
Các cổ phiếu khác	1.300.492	679.000	(621.492)	1.865.387	1.865.387	-
<b>Cộng</b>	<b>86.388.404.653</b>	<b>51.095.515.000</b>	<b>(35.292.889.653)</b>	<b>21.308.219.548</b>	<b>18.479.781.287</b>	<b>(2.828.438.261)</b>
Các khoản đầu tư khác:						
Công ty CP Du Lịch Phú Yên	2.146.000.000	(*)	(379.273.515)	2.146.000.000	(*)	(379.273.515)
Công ty Xây dựng & Dịch Vụ Nhà Quận 8	-	(*)	-	42.881	(*)	-
<b>Cộng</b>	<b>2.146.000.000</b>		<b>(379.273.515)</b>	<b>2.146.042.881</b>		<b>(379.273.515)</b>
<b>Tổng Cộng</b>	<b>88.534.404.653</b>		<b>(35.672.163.168)</b>	<b>23.454.262.429</b>		<b>(3.207.711.776)</b>

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cổ phiếu đã được xác định trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 5,6%/năm đến 10,5%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2022

VND

Tại ngày 01/01/2022

VND

	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định – FICO <sup>(a)</sup>	8.459.840.000	(*)	(8.459.840.000)	8.459.840.000	(*)	(8.459.840.000)
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Tổng Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xuất nhập khẩu Foodinco <sup>(b)</sup>	510.000.000	(*)	(510.000.000)	510.000.000	(*)	(510.000.000)

a) Khoản đầu tư này tương đương với 28,13% quyền sở hữu Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định – FICO, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là hoạt động xây dựng công trình kỹ thuật chuyên dụng khác.

b) Khoản đầu tư này tương đương với 0,23% quyền sở hữu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là hoạt động bán buôn gạo, kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê và hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật liên quan.

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty TNHH MTV Đá Thanh Phú	17.969.920.223	-
Công ty Cổ phần Thiên Phát	7.300.000.000	7.705.510.772
Công ty TNHH Khai thác đá Lê Thu	3.738.383.749	3.918.383.749
Công ty Cổ phần Khai thác đá Hà Nam	2.450.000.000	2.650.000.000
Công ty TNHH Khai thác Tài nguyên Lợi Lộc (Vĩnh Cửu)	-	12.175.596.826
Các khách hàng khác (*)	7.174.801.244	8.320.098.140
<b>Cộng</b>	<b>38.633.105.216</b>	<b>34.769.589.487</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn.

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty TNHH Khai thác đá Lê Thu	4.772.133.412	4.650.792.539
Các nhà cung cấp khác (*)	1.658.918.300	1.693.787.050
<b>Cộng</b>	<b>6.431.051.712</b>	<b>6.344.579.589</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

**4.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty TNHH Phú Mỹ An - Hà Nội (*)	26.598.900.000	26.598.900.000
Các đối tượng khác	561.056.623	561.056.623
<b>Cộng</b>	<b>27.159.956.623</b>	<b>27.159.956.623</b>

(\*) Đây là khoản phải thu về vốn góp đầu tư xây dựng toà nhà thương mại, văn phòng và căn hộ với Công ty TNHH Phú Mỹ An – Hà Nội theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 86/2017/HĐHTKD ngày 31/05/2017 với tổng giá trị ban đầu là 30.000.000.000 VND. Theo Hợp đồng, sau 06 tháng Công ty có quyền rút vốn và được hưởng lợi tức cố định 11%/năm. Hiện tại, Công ty đã thu hồi một phần khoản phải thu về vốn góp này.

Ngày 10 tháng 05 năm 2022, Công ty TNHH Phú Mỹ An – Hà Nội đã có công văn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội về việc đề xuất tiến độ, bổ sung báo cáo tài chính và giải trình hoàn thành nghĩa vụ tài chính dự án “Công trình văn phòng, thương mại dịch vụ, nhà ở (Tòa nhà V.I.C Tower)”. Theo đó, Công ty TNHH Phú Mỹ An – Hà Nội đề nghị điều chỉnh tiến độ dự kiến nghiệm thu, đi vào vận hành và sử dụng là Quý I/2025.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.6. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	969.494.650	-	1.147.292.511	-
Tiền lãi cho vay	885.180.000	(339.400.000)	1.237.480.667	(339.400.000)
Phải thu khác	1.261.871.866	-	2.062.651.976	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.116.546.516</u></b>	<b><u>(339.400.000)</u></b>	<b><u>4.447.425.154</u></b>	<b><u>(339.400.000)</u></b>
Dài hạn:				
Ký quỹ phục hồi môi trường	7.968.909.709	-	7.517.497.139	-

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hang, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.7. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
	Giá gốc	Giá gốc
	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản cho vay quá hạn thanh toán	561.056.623	561.056.623
Tổng giá trị các khoản tiền lãi cho vay quá hạn thanh toán	339.400.000	339.400.000
<b>Cộng</b>	<b>900.456.623</b>	<b>900.456.623</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ lâu.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ cho vay và phải thu là khoản tiền lãi cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
	Giá gốc	Giá gốc
	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị có thể thu hồi
	Thời gian quá hạn	Thời gian quá hạn
Trần Kim Thi	900.456.623	900.456.623
	-	-
	Trên 3 năm	Trên 3 năm

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Tại ngày 31/12/2022 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2022 VND</b>
Điểm du lịch và nhà ở Hóa An	4.087.439.696	4.087.439.696
Đầu tư mỏ đá Núi gió	248.058.177	248.058.177
Chi phí mua đất mỏ Mỏ Tân Cang 3	8.080.644.400	8.080.644.400
Chi phí mua đất khu phụ trợ Mỏ đá Thạnh Phú 2	1.840.685.107	1.840.685.107
Chi phí xây dựng Mỏ đá Tân Cang	6.883.231.421	6.883.231.421
<b>Cộng</b>	<b><u>21.140.058.801</u></b>	<b><u>21.140.058.801</u></b>

(Xem trang tiếp theo)

5 B  
TN  
DAM  
VI  
P

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2022	29.332.621.306	46.460.990.787	8.289.638.014	289.463.680	84.372.713.787
Mua trong năm	-	493.002.727	2.261.293.181	-	2.754.295.908
Thanh lý trong năm	-	(2.067.418.798)	(787.118.143)	-	(2.854.536.941)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>29.332.621.306</b>	<b>44.886.574.716</b>	<b>9.763.813.052</b>	<b>289.463.680</b>	<b>84.272.472.754</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2022	25.720.026.492	36.170.550.128	5.819.332.583	224.183.680	67.934.092.883
Khấu hao trong năm	536.107.372	1.924.073.140	710.997.542	16.320.000	3.187.498.054
Thanh lý trong năm	-	(2.067.418.798)	(787.118.143)	-	(2.854.536.941)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>26.256.133.864</b>	<b>36.027.204.470</b>	<b>5.743.211.982</b>	<b>240.503.680</b>	<b>68.267.053.996</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2022	3.606.887.197	10.296.148.276	2.470.305.431	65.280.000	16.438.620.904
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>3.076.487.442</b>	<b>8.859.370.246</b>	<b>4.020.601.070</b>	<b>48.960.000</b>	<b>16.005.418.758</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 33.353.708.948 VND.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2022	97.797.141.259
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>97.797.141.259</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2022	55.670.246.284
Khấu hao trong năm	4.971.588.372
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>60.641.834.656</b>
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2022	42.126.894.975
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>37.155.306.603</b>

**4.11. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	255.184.091
Công cụ dụng cụ xuất dùng	475.907.725	625.367.200
<b>Cộng</b>	<b>475.907.725</b>	<b>880.551.291</b>
Dài hạn:		
Chi phí bóc đất phủ các mỏ đá	21.175.753.546	27.820.018.329
Chi phí thuê đất	9.553.114.074	10.490.492.320
Chi phí làm đường và thăm dò trữ lượng	5.080.768.379	6.368.501.749
Chi phí đền bù, di dời nhà văn phòng, nhà kho (CTCP ĐTPT Cường Thuận IDICO) tại mỏ Tân Cang 3	803.222.603	961.233.599
Các khoản khác	3.249.783.164	4.458.353.884
<b>Cộng</b>	<b>39.862.641.766</b>	<b>50.098.599.881</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Đá Thanh Phú	9.180.045.005	9.180.045.005	2.261.722.027	2.261.722.027
Công ty TNHH MTV Tân Phú Thạnh	969.460.928	969.460.928	-	-
Công ty TNHH KT TN Lợi Lộc	-	-	5.903.464.058	5.903.464.058
Các nhà cung cấp khác	2.036.897.306	2.036.897.306	1.884.625.326	1.884.625.326
<b>Cộng</b>	<b>12.186.403.239</b>	<b>12.186.403.239</b>	<b>10.049.811.411</b>	<b>10.049.811.411</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2022		Trong năm		Tại ngày 01/01/2022	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	2.569.660.391	21.385.264.473	20.738.353.158	-	1.922.749.076
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.010.416.543	12.947.649.017	17.551.524.776	-	7.614.292.302
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.043.413.115	3.399.614.190	3.219.752.929	-	863.551.854
Thuế tài nguyên	-	1.794.962.615	20.573.469.795	22.293.038.550	-	3.514.531.370
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.967.748.743	-	275.811.603	3.652.156.728	591.403.618	-
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	4.414.681.133	-	27.401.128.130	37.365.887.846	1.702.358.606	7.252.437.189
Phí bảo vệ môi trường	-	1.035.459.755	11.800.399.980	12.665.878.572	-	1.900.938.347
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.382.429.876</b>	<b>9.453.912.419</b>	<b>97.789.337.188</b>	<b>117.492.592.559</b>	<b>2.293.762.224</b>	<b>23.068.500.138</b>

**4.14. Phải trả người lao động**

Đây là lương tháng 13 còn phải trả cho người lao động tại ngày 31/12/2022.

**4.15. Dự phòng phải trả dài hạn**

Đây là khoản dự phòng chi phí phục hồi môi trường được trích dựa trên phương án phục hồi môi trường đã được Nhà nước phê duyệt với thời gian chi trả là vào thời điểm thực tế thực hiện phương án.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hòa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	151.199.460.000	58.398.416.000	(11.645.123.500)	98.745.293.116	131.993.166.532	428.691.212.148
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	90.254.477.584	90.254.477.584
Trích thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(1.965.485.000)	(1.965.485.000)
Trích thù lao Ban kiểm soát	-	-	-	-	(288.000.000)	(288.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.930.970.385)	(3.930.970.385)
Chia cổ tức năm 2020	-	-	-	-	(44.178.219.000)	(44.178.219.000)
Tại ngày 01/01/2022	151.199.460.000	58.398.416.000	(11.645.123.500)	98.745.293.116	171.884.969.731	468.583.015.347
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	52.332.261.663	52.332.261.663
Trích thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(1.020.543.662)	(1.020.543.662)
Trích thù lao Ban kiểm soát	-	-	-	-	(288.000.000)	(288.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.610.180.000)	(3.610.180.000)
Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	-	(73.630.365.000)	(73.630.365.000)
Tại ngày 31/12/2022	151.199.460.000	58.398.416.000	(11.645.123.500)	98.745.293.116	145.668.142.732	442.366.188.348

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hang, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.16.2. Cổ phiếu**

	<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>Tại ngày 01/01/2022</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.119.946	15.119.946
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	15.119.946	15.119.946
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	393.873	393.873
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.726.073	14.726.073

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.16.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	52.332.261.663	90.254.477.584
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(2.093.290.986)	(3.610.180.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.238.970.677	86.644.297.584
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	14.726.073	14.726.073
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.412</b>	<b>5.884</b>

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/NQĐHĐCĐ-CtyDHA ngày 09 tháng 04 năm 2022.

**4.16.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	52.332.261.663	90.254.477.584
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(2.093.290.986)	(3.610.180.000)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	50.238.970.677	86.644.297.584
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm	14.726.073	14.726.073
Số cổ phần phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số cổ phần để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	14.726.073	14.726.073
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>3.412</b>	<b>5.884</b>

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/NQĐHĐCĐ-CtyDHA ngày 09 tháng 04 năm 2022.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.16.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2022	7.862.636.837	98.745.293.116
Trích trong năm	3.610.180.000	-
Chi trong năm	(3.155.008.684)	-
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>8.317.808.153</b>	<b>98.745.293.116</b>

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán đá vật liệu xây dựng	387.820.074.803	337.422.824.214

**5.2. Giá vốn hàng bán**

Là tổng chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến doanh thu bán đá vật liệu xây dựng trong năm, bao gồm chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản nộp bổ sung từ năm 2014-2021\_Xem thêm Mục 5.6.

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi bán chứng khoán	869.955.119	14.986.195.046
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.863.551.636	8.270.602.768
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.347.039.100	2.499.636.200
<b>Cộng</b>	<b>11.080.545.855</b>	<b>25.756.434.014</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Dự phòng giảm giá đầu tư (*)	32.464.455.046	5.532.849.500
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(3.654)	(10.410.256.450)
Chi phí tài chính khác	139.079.416	186.680.091
<b>Cộng</b>	<b>32.603.530.808</b>	<b>(4.690.726.859)</b>

(\*) Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư năm nay tăng khoảng 487% so với năm trước là do trong năm Công ty đã mua thêm cổ phiếu HPG để nâng mức sở hữu từ 300.000 cổ phiếu ở đầu năm lên 2.640.000 cổ phiếu vào cuối năm. Cổ phiếu HPG đã có hồi phục từ nửa sau của quý 4/2022 nhưng vẫn giảm 15% so với thời điểm cuối quý 3. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hơn 32 tỷ đồng cho khoản đầu tư vào cổ phiếu này.

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.915.323.957	8.831.214.127
Chi phí vật liệu quản lý	518.941.114	490.088.749
Chi phí khấu hao TSCĐ	751.885.718	603.295.227
Thuế, phí và lệ phí	10.420.928	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.041.066	129.823.776
Chi phí khác bằng tiền	5.259.354.389	5.721.760.139
<b>Cộng</b>	<b>16.578.967.172</b>	<b>15.779.182.018</b>

**5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.055.120.873	20.535.079.227
Chi phí nhân công	33.537.251.954	34.173.782.176
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản (*)	27.401.128.130	17.603.046.766
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.159.086.426	9.468.897.215
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.807.275.986	133.296.545.922
Chi phí khác bằng tiền	43.605.308.628	43.170.834.193
<b>Cộng</b>	<b>301.565.171.997</b>	<b>258.248.185.499</b>

(\*) Phí cấp quyền khai thác khoáng sản năm nay tăng khoảng 56% so với năm trước là do năm 2022 Công ty phát sinh khoản nộp bổ sung tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2014-2021 được ghi nhận vào chi phí năm 2022.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	65.279.910.680	112.233.187.930
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	805.373.499	160.000.000
Trừ: Cổ tức được chia sau thuế TNDN	(1.347.039.100)	(2.499.636.200)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	64.738.245.079	109.893.551.730
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	12.947.649.017	21.978.710.346
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>12.947.649.017</b>	<b>21.978.710.346</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

*(Xem trang tiếp theo)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Chi nhánh Vĩnh Cửu;
- Chi nhánh Biên Hòa;
- Chi nhánh Bình Phước.

	Vĩnh Cửu		Biên Hòa		Bình Phước		ĐVT: Ngân đồng	
	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2021		Năm 2022	
	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Tổng cộng	Năm 2021
<b>Doanh thu</b>	182.955.022	169.718.452	140.533.574	111.580.235	64.331.480	56.124.137	387.820.076	337.422.824
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>								
Lợi nhuận gộp	39.508.883	48.349.268	40.965.081	30.105.285	22.372.906	16.601.553	102.846.870	95.056.106
Thu nhập tài chính							11.080.546	25.756.434
Chi phí tài chính							(32.603.531)	4.690.727
Chi phí bán hàng							(13.000)	(102.285)
Chi phí quản lý doanh nghiệp							(16.578.967)	(15.779.182)
Lợi nhuận khác							547.993	2.611.388
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(12.947.649)	(21.978.710)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>							<b>52.332.262</b>	<b>90.254.478</b>

(Xem trang tiếp theo)

(P) 1/VI  
 FN  
 DAN  
 36



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Các thông tin khác:**

	Vĩnh Cửu		Biên Hòa		Bình Phước		ĐVT: Ngân đồng	
	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	46.492.091	40.915.876	40.229.016	37.576.320	8.515.048	12.021.080	95.236.155	90.513.276
							396.176.509	440.708.156
<b>Tổng tài sản</b>							<b>491.412.664</b>	<b>531.221.432</b>
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	2.633.551	7.878.028	3.710.617	7.788.302	748.110	1.836.472	7.092.278	17.502.802
							41.954.197	45.135.615
<b>Tổng nợ phải trả</b>							<b>49.046.475</b>	<b>62.638.417</b>
	Vĩnh Cửu		Biên Hòa		Bình Phước		ĐVT: Ngân đồng	
	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí mua sắm tài sản cố định	177.273	-	2.577.023	3.179.513	-	-	2.754.296	3.179.513
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.069.115	4.355.670	3.549.705	3.224.468	1.540.266	1.888.759	8.159.086	9.468.897

Công ty không có báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh vì Công ty hoạt động trong một lĩnh vực là khai thác và chế biến đá, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

- |   |                                 |
|---|---------------------------------|
| 1. Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP | Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể |
| 2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc     | Nhân sự quản lý chủ chốt        |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>
Chia cổ tức:		
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	18.791.715.000	11.275.029.000
Nhân sự quản lý chủ chốt	3.064.278.000	1.288.878.000
<b>Cộng</b>	<b><u>21.855.993.000</u></b>	<b><u>12.563.907.000</u></b>

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>
Ông Cao Trường Thụ	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022)	95.000.000	-
Ông Đinh Lê Chiến	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022)	156.558.000	410.577.000
Ông Trịnh Tiến Bảy	Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	1.552.606.330	1.349.160.000
Ông Nguyễn Văn Lương	Phó Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	1.107.067.500	1.080.113.000
Ông Nguyễn Tấn Lộc	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022)	80.000.000	-
Ông Mai Hoàng Nguyên	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022)	80.000.000	-
Bà Võ Thị Cẩm Hương	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022)	127.133.000	344.977.000
Ông Nguyễn Xuân Thành	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022)	127.133.000	344.977.000
<b>Cộng</b>		<b><u>3.325.497.830</u></b>	<b><u>3.529.804.000</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	288.000.000	288.000.000

**9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Trịnh Tiến Bày  
Tổng Giám đốc

Đỗ Văn Ngọc  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm Nhung  
Người lập

Đồng Nai, ngày 09 tháng 03 năm 2023



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

*Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2023*

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Linh Tiên Bảy*



